

LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

PHẠM TẮT THẮNG. *Định hướng giá trị của sinh viên (Qua nghiên cứu trường hợp sinh viên của 11 đơn vị đào tạo trên địa bàn Hà Nội từ 1998 đến nay)*

Chuyên ngành: xã hội học

Mã số: 62 31 30 01

Xã hội ta đang có nhiều biến động rất cơ bản, từ các biến động cơ bản vì mô, vĩ mô trong đời sống xã hội dẫn đến biến động giá trị của các cá nhân, các tầng lớp xã hội, trong đó có sinh viên. Sinh viên là bộ phận nhạy cảm trong xã hội, những trí thức tương lai của đất nước. Những người sẽ đóng vai trò chủ chốt trong công cuộc CNH, HĐH của đất nước. Như vậy yêu cầu nghiên cứu định hướng giá trị trong sinh viên cho thấy rõ các biến đổi xã hội, văn hoá tác động như thế nào đối với giá trị và định hướng giá trị của sinh viên hiện nay.

Nghiên cứu định hướng giá trị sinh viên cho phép chúng ta bước đầu nhận định về những biến đổi về giá trị và lối sống của một nhóm xã hội và dự báo về vấn đề tư tưởng của sinh viên, qua đó có thể phần nào dự báo được về đội ngũ trí thức trong tương lai.

Với cách đặt vấn đề nêu trên, nghiên cứu sinh Phạm Tất Thắng đã lựa chọn vấn đề “*Định hướng giá trị của sinh viên (Qua nghiên cứu trường hợp sinh viên của 11 đơn vị đào tạo trên địa bàn Hà Nội từ 1998 đến nay)*” làm đề tài nghiên cứu cho bản luận án của mình.

Nhằm làm rõ vấn đề được nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp

định tính (quan sát, phỏng vấn sâu được tiến hành liên tục từ năm 1998 đến 2007); phương pháp phân tích số liệu; và phương pháp định lượng. Nghiên cứu định lượng được tiến hành trong hai năm học 1999-2000 và 2000-2001, và sử dụng *mẫu* được chọn ngẫu nhiên theo đơn vị lớp học (gồm 584 sinh viên thuộc 11 lớp học của 11 đơn vị đào tạo độc lập trên địa bàn Hà Nội) với *cơ cấu mẫu* là tỷ lệ sinh viên KHTN, KT&CN là 52,9% với số lượng 309 sinh viên thuộc 6 lớp; sinh viên KHXH&NV chiếm tỷ lệ 47,1% với số lượng 275 sinh viên thuộc 5 lớp; tỷ lệ nam/nữ tồn tại ngẫu nhiên là 270 nam và 314 nữ (46% và 54%). Những sinh viên trong mẫu nghiên cứu đều được phỏng vấn bằng bảng hỏi với 31 câu hỏi để tìm hiểu những thông tin cơ bản về định hướng giá trị của sinh viên, về việc làm, giá trị chính trị, tình yêu, hôn nhân,...

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án chia thành 3 chương và phần khuyến nghị.

Chương I làm rõ cơ sở lý luận, trình bày các khái niệm làm việc như: khái niệm giá trị, định hướng giá trị, khái niệm sinh viên và giới sinh viên.

“Giá trị” theo nghĩa là một khái niệm độc lập và chính xác thì ban đầu được sử dụng trong lĩnh vực kinh tế. Sau đó, vào đầu những năm 1950, khái niệm này được sử dụng rộng rãi trong KHXH. Theo tác giả, định hướng giá trị là xu hướng của chủ thể hành động (cá nhân hoặc nhóm xã hội) trong việc lựa chọn những giá trị mà ở thời điểm hiện tại, chủ thể hành động cho là cần thiết,

cấp bách. Còn thuật ngữ sinh viên có nghĩa là người làm việc, học tập, người tìm hiểu, khai thác tri thức. Sinh viên là đại biểu của một nhóm xã hội đặc biệt, là thanh niên đang được chuẩn bị để đi vào hoạt động sản xuất vật chất hay tinh thần của xã hội. Giới sinh viên trong xã hội học còn gọi là tầng lớp sinh viên. Giới sinh viên bao gồm tất cả những người đang học một chương trình (khóa) đào tạo chính thức, dài hạn (3 đến 6 năm) trong các trường đại học, cao đẳng. Giới sinh viên là nhóm dân số xã hội có địa vị, vai trò và vị thế xã hội xác định. Nhóm sinh viên là nhóm xã hội có giai đoạn xã hội hoá đặc thù.

Trong khái niệm sinh viên, tác giả đã chỉ ra những đặc trưng nhân khẩu – xã hội, vai trò, vị thế và địa vị xã hội của họ trong giai đoạn xã hội hoá.

Chương II trình bày các kết quả về *định hướng giá trị nghề nghiệp và định hướng giá trị việc làm*.

Trước tiên, về *định hướng giá trị nghề nghiệp*, tác giả phân tích *định hướng chọn ngành học, việc chuẩn bị kiến thức và mong muốn học sau đại học của sinh viên*. Tác giả nêu rõ, những kết quả thống kê thí sinh đăng ký dự thi vào các trường đại học cho thấy những ngành học về kinh tế, công nghệ thông tin, luật,... có số lượng thí sinh đăng ký ngày càng nhiều. Kết quả nghiên cứu luận án cho thấy, khá nhiều sinh viên vẫn còn có xu hướng chọn ngành học thiếu cơ sở khoa học. Có tới 42,9% số sinh viên lựa chọn ngành học mà họ yêu thích; 18,8% số sinh viên lựa chọn ngành học là cho rằng ngành học sẽ phát triển. Lý do liên quan trực tiếp đến cuộc sống của một con người như “ngành này dễ xin việc” thì chỉ có 11,5%, hoặc ngành

nghề được xã hội coi trọng cũng chỉ có 7% sinh viên lựa chọn.

Để chuẩn bị hành trang sau khi ra trường, phần lớn sinh viên muốn học thật giỏi chuyên môn có 93,8%; học giỏi ngoại ngữ có 51,4%; thành thạo tin học có 24,5%; có nhiều mối quan hệ tốt cũng có tới 40,4%; và có kỹ năng giao tiếp tốt có 60,8%. Như vậy có thể nói, sinh viên đã chuẩn bị một hành trang tương đối tốt cho tương lai của họ. Hành trang đó tập trung vào ba yếu tố quan trọng là học giỏi chuyên môn, có kỹ năng giao tiếp tốt và giỏi ngoại ngữ.

Về *định hướng giá trị việc làm*, tác giả tập trung nghiên cứu trên các phương diện *làm đúng nghề được đào tạo, việc làm sử dụng chuyên môn khoa học và làm việc ở các thành phố lớn hay ở gần nhà*, cho thấy: mong muốn lớn nhất của sinh viên sau tốt nghiệp đại học là có việc làm và ổn định gia đình. 1/ sau khi ra trường sinh viên có xu hướng lựa chọn các nghề gắn với ngành mà mình được đào tạo (58,3% sinh viên lựa chọn nghề liên quan tới ngành mà họ đã theo học); tiêu chí chọn nghề “mà mình yêu thích” cũng được khá nhiều sinh viên quan tâm (21,9%); trong khi chọn nghề có thu nhập cao chỉ chiếm 17,9%. Xét về tương quan giới tính thì thấy hầu như không có sự khác biệt gì giữa nam và nữ sinh viên trong việc lựa chọn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. 2/ có khá nhiều sinh viên được hỏi cho rằng cuộc sống có ý nghĩa khi có nghề nghiệp thích hợp (38,4%); nghề được sinh viên thích nhất trong 11 nhóm nghề nghiên cứu đưa ra là nhóm nghề sử dụng chuyên môn khoa học kỹ thuật được học (55%); một loại “nghề” được sinh viên hiện nay khá quan tâm là “nghề làm chính trị”, đứng thứ hai trong bảng lựa chọn của

sinh viên (chiếm 15,7%); 13,6% sinh viên được hỏi mong muốn trở thành nhà quản lý kinh doanh, những nghề như nhân viên tài chính, kế toán ngân hàng chỉ chiếm 6,5%; còn những nhóm nghề khác ít được sinh viên lựa chọn. 3/ việc làm đúng nghề nghiệp chỉ tập trung ở một số thành phố lớn và thủ đô Hà Nội, vì thế phần lớn sinh viên có mong muốn được làm việc ở Hà Nội (25%), các thành phố lớn (25,3%). Nếu không thì sinh viên sẽ mong muốn được làm việc ở gần nhà sau khi tốt nghiệp (18,5%). Một tỷ lệ tương đối cao đối với lựa chọn có thể đi bất cứ đâu của sinh viên, 28%. Có sự khác biệt tương đối rõ giữa nam sinh viên và nữ sinh viên đối với lựa chọn nơi làm việc sau khi tốt nghiệp. Nữ sinh viên có xu hướng mong muốn lựa chọn nơi làm việc ở gần nhà cao gấp đôi nam sinh viên, trong khi đó, lựa chọn đi bất cứ đâu thì nam sinh lại chiếm tỉ trọng cao hơn nhiều. Trong phần này, tác giả cũng xem xét theo tương quan giới, nơi ở của gia đình sinh viên và thành phần gia đình.

Qua kết quả trên cho thấy, đã có nhiều thay đổi trong việc lựa chọn nghề của sinh viên. Đối với họ, việc làm nghề đúng với những gì mình được đào tạo trong trường đại học có vai trò quyết định nhất trong việc định hướng nghề nghiệp của họ. Giới tính có ảnh hưởng tương đối rõ nét, còn nơi ở của gia đình không có ý nghĩa lớn trong việc lựa chọn công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Chương III trình bày các kết quả *định hướng giá trị chính trị, lý tưởng và tình bạn, tình yêu, việc lựa chọn bạn đời* của sinh viên.

Trước hết, về *định hướng chính trị và lý tưởng sống* của sinh viên. Đa số sinh viên lựa chọn phẩm chất sống kết

hợp kinh nghiệm với khoa học công nghệ hiện đại (75%), phát huy khả năng sáng tạo (52,6%) và tinh thần thái độ làm việc nghiêm túc (49%). Trong 11 phẩm chất được đưa ra nghiên cứu thì 3 phẩm chất được sinh viên lựa chọn nhiều nhất là: làm việc có trách nhiệm (80,5%), sống có lý tưởng (69,9%) và có tính cộng đồng, đoàn kết (60,4%). Sự lựa chọn những phẩm chất này cho thấy rõ mức độ trí tuệ của giới sinh viên. Họ đã nhận diện rõ mặt mạnh của dân tộc mình, của thế hệ họ để kế thừa, phát huy cái tốt, hạn chế những mặt tồn tại. Phần lớn sinh viên trong mẫu nghiên cứu đều có nguyện vọng phấn đấu trở thành đảng viên (78,4%), trong đó phần lớn có động cơ tốt (tiếp tục rèn luyện phấn đấu là 71,9%; để tự khẳng định bản thân là 51,7%; để cống hiến tốt hơn là 44%; và để được đề bạt chức vụ là 34,2%). Sự lựa chọn những giá trị đó phản ánh lý tưởng sống của sinh viên là tích cực và cũng rất thực tế mà đôi khi bị đánh giá là thực dụng.

Định hướng giá trị của sinh viên về tình bạn, tình yêu thiên về những giá trị rất cụ thể và thực tế, song không phải là thực dụng. Sinh viên mong muốn và đòi hỏi ở người mình yêu một tình yêu chân thành (80,3%), sợ những tình cảm giả dối; họ thiên về những giá trị tri thức, hiểu biết (67,8%) hơn là giá trị vật chất, tiền bạc. Sinh viên có tinh thần và ý thức tự lập cao cho cuộc sống tương lai của mình; họ có những thái độ rất dứt khoát với những lối sống xa lạ; họ không nhất thiết đòi hỏi người yêu của mình phải có nhiều tiền, có địa vị xã hội cao, mà cái họ mong muốn nhất và đặt vai trò quan trọng là sự chân thành, trí thông minh, hiểu biết rộng và sức khỏe tốt. Vẫn còn một bộ phận nam sinh viên

chưa thật sự thay đổi trong quan niệm về vai trò nam, nữ; tính gia trưởng vẫn còn tiềm ẩn trong con người Việt Nam và kể cả sinh viên.

Phần cuối luận án, tác giả đề xuất *một số khuyến nghị*:

- Trong chương trình giáo dục phổ thông cần có nội dung về hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp phổ thông trung học, giúp học sinh chọn trường học, ngành học phù hợp với khả năng và điều kiện của mình.

- Ngành giáo dục, đào tạo, các trường và các cơ quan tuyển dụng cùng tham gia giải quyết việc làm cho sinh viên tốt nghiệp, tiếp nhận các sinh viên có trình độ, có kết quả học tập tốt, đúng ngành nghề, nhằm tạo ra một dư luận xã hội tích cực về công bằng xã hội và giải quyết tốt số lao động có trình độ.

- Một mặt, Nhà nước cần có chính sách để phát triển nhanh kinh tế, văn hoá, xã hội nông thôn, miền núi; mặt khác cần có chính sách thoả đáng để sinh viên tốt nghiệp về công tác tại nông thôn, miền núi.

- Học sinh lớp 12 trước khi nộp hồ sơ dự thi đại học cần xác định chính xác khả năng, nguyện vọng, năng khiếu, học lực và sở thích của mình; đồng thời tìm

hiểu kỹ hệ thống các trường đại học, cao đẳng và những ngành, nghề mà các trường này đào tạo.

- Cần phải có biện pháp đồng bộ, hiệu quả về mặt giáo dục tư tưởng, chính trị; cần tạo được sự công bằng, minh bạch trong tuyển dụng và sử dụng cán bộ.

- Nhà nước nên có chính sách cụ thể ưu tiên và khuyến khích những sinh viên xuất sắc, có chế độ hỗ trợ ban đầu khi họ mới đi làm để họ có điều kiện sớm ổn định cuộc sống và tiếp tục học lên; cần đề ra những chính sách riêng cho sinh viên giỏi, mạnh dạn đề bạt cán bộ có tri thức, cán bộ trẻ vào những vị trí quản lý quan trọng của Nhà nước để khai thác được trí tuệ của họ một cách hiệu quả.

- Nghiên cứu định hướng giá trị của sinh viên có ý nghĩa quan trọng, cần có thêm những nghiên cứu sâu hơn nữa tới lĩnh vực định hướng giá trị của sinh viên.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Viện Xã hội học, Viện KHXH Việt Nam, đầu tháng 3/2009.

HOÀ AN
giới thiệu